

Số: 1364/QĐ-HĐKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kết quả điểm phúc tra
Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;
Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm;
Căn cứ Quyết định số 2317/QĐ-HĐKT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm về việc ban hành Kế hoạch tổ chức Kỳ kiểm tra;
Xét đề nghị của Ban Thư ký Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả điểm phúc tra Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng kiểm tra thông báo Kết quả điểm phúc tra nêu tại Điều 1 của Quyết định này đến Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí sinh trong Danh sách kèm theo Quyết định này, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban giúp việc cho Hội đồng kiểm tra và các thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HĐKT

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH

THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Mai Lương Khôi

KẾT QUẢ ĐIỂM PHÚC TRA BÀI KIỂM TRA VIẾT
KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ NĂM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-HĐKT ngày 29 tháng 4 năm 2025
 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)*

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
1	2	3	4	5	6	7	9	10
1	MB-03	Hà Thanh	An	Nam	31/8/1977	Hà Nội	39.50	39.75
2	MB-05	Đào Thúy	An	Nữ	25/01/1990	Hà Nội	40.88	41.25
3	MB-06	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	04/01/1984	Khánh Hòa	17.88	14.00
4	MB-10	Trần Đình Bảo	Anh	Nam	10/4/1994	Hà Nội	20.50	15.75
5	MB-13	Nguyễn Bá Duy	Anh	Nam	21/7/1995	Hà Nội	31.25	33.63
6	MB-25	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/4/1996	Thanh Hóa	40.75	34.63
7	MB-27	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/8/1992	Bắc Ninh	22.63	20.13
8	MB-28	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/8/1985	Hà Nội	46.50	39.50
9	MB-30	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/01/1996	Quảng Nam	28.63	26.50
10	MB-31	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/12/1997	Hà Nội	39.75	37.50
11	MB-32	Hoàng Nhật	Anh	Nam	04/9/1996	Hà Nội	41.00	35.38
12	MB-41	Đoàn Thị	Anh	Nữ	12/7/1988	Hà Nội	44.38	44.25
13	MB-42	Lưu Thị	Anh	Nữ	13/10/1994	Hải Dương	43.88	42.38
14	MB-43	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	15/01/1993	Điện Biên	37.25	32.13
15	MB-47	Trần Trâm	Anh	Nữ	25/11/1996	Hà Nội	41.25	32.75
16	MB-54	Phạm Tuấn	Anh	Nam	19/4/1987	Vĩnh Phúc	22.00	22.25
17	MB-55	Phan Tuấn	Anh	Nam	23/6/1982	Hà Nội	8.50	7.38
18	MB-58	Võ Tuấn	Anh	Nam	06/11/1991	Nghệ An	33.38	25.13
19	MB-64	Trần Thị Yên	Anh	Nữ	29/6/1993	Hà Nội	39.88	31.88
20	MB-90	Nguyễn Đức	Biên	Nam	20/6/1987	Hà Nội	32.25	28.50
21	MB-99	Nguyễn Khánh	Cầm	Nam	04/01/1989	Đà Nẵng	29.50	35.88
22	MB-100	Mai Thế	Cần	Nam	29/7/1977	Đà Nẵng	29.13	21.13
23	MB-102	Nguyễn Quốc	Cảnh	Nam	07/01/1959	Hải Dương	27.00	29.75
24	MB-104	Lê Ngọc	Cát	Nam	08/5/1984	Lạng Sơn	18.63	26.00
25	MB-109	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	06/4/1985	Kon Tum	37.88	38.50
26	MB-114	Trương Thị Mỹ	Chi	Nữ	19/4/1983	Gia Lai	38.25	38.25
27	MB-117	Đặng Văn	Chiến	Nam	01/02/1987	Nam Định	45.00	45.00
28	MB-118	Lê Văn	Chiến	Nam	14/4/1985	Thanh Hóa	32.25	33.50
29	MB-135	Nguyễn Minh	Công	Nam	05/10/1998	Nghệ An	34.75	34.00
30	MB-146	Nguyễn Cao	Cường	Nam	05/3/1979	Yên Bái	30.00	28.75
31	MB-157	Giang Lê	Đại	Nam	24/9/1994	Hà Nội	34.50	37.63

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
32	MB-166	Vũ Thị	Đào	Nữ	19/12/1991	Nam Định	38.13	41.38
33	MB-178	Vũ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	12/6/1994	Quảng Ninh	42.25	43.00
34	MB-182	Vy Thị	Định	Nữ	18/9/1995	Hà Nội	44.50	45.75
35	MB-183	Nguyễn Văn	Định	Nam	10/01/1993	Đà Nẵng	42.63	41.88
36	MB-184	Nguyễn Văn	Định	Nam	08/10/1990	Hải Phòng	40.25	40.38
37	MB-218	Hoàng Thị	Dung	Nữ	04/6/1995	Nghệ An	34.88	31.25
38	MB-219	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/7/1989	Đà Nẵng	35.50	33.38
39	MB-228	Nguyễn Bá	Dũng	Nam	07/9/1991	Thanh Hóa	33.25	42.13
40	MB-250	Nguyễn Đình	Duy	Nam	09/12/1987	Hải Phòng	34.75	37.50
41	MB-252	Nguyễn Đức	Duy	Nam	12/8/1997	Đà Nẵng	39.88	39.50
42	MB-260	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	41.25	41.75
43	MB-277	Hà Hải	Hà	Nam	01/01/1994	Bình Định	31.75	30.38
44	MB-278	Lê Thị Hồng	Hà	Nữ	02/01/1991	Quảng Bình	33.50	35.50
45	MB-279	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	01/5/1983	Bắc Giang	38.38	34.13
46	MB-281	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	01/10/1994	Hà Nội	43.50	50.00
47	MB-295	Trần Thu	Hà	Nữ	13/02/1993	Hà Nội	33.88	36.00
48	MB-304	Cao Thị Đan	Hạ	Nữ	28/02/1995	Đắk Lắk	42.13	41.00
49	MB-306	Nguyễn Anh	Hải	Nam	01/02/1990	Hà Nội	36.63	36.38
50	MB-307	Nguyễn Hồng	Hải	Nam	07/01/1990	Bình Định	46.38	45.50
51	MB-320	Trần Tiến	Hải	Nam	24/06/1993	Đà Nẵng	39.38	39.00
52	MB-335	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/10/1980	Hà Nội	37.50	38.50
53	MB-337	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/01/1989	Vĩnh Phúc	42.50	41.25
54	MB-338	Phan Thị	Hằng	Nữ	03/8/1995	Hà Nội	43.50	43.50
55	MB-346	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	20/6/1983	Hà Nam	28.00	29.50
56	MB-358	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/8/1992	Đắk Lắk	31.50	30.00
57	MB-360	Phan Đức	Hạnh	Nam	19/4/1988	Quảng Bình	31.50	32.00
58	MB-367	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29/7/1985	Bắc Ninh	40.13	38.00
59	MB-379	Lê Thị Hoàng	Hào	Nữ	14/02/1996	Gia Lai	43.38	42.75
60	MB-382	Đặng Từ	Hào	Nam	09/12/1998	Khánh Hòa	42.50	41.75
61	MB-384	Lê Hải	Hậu	Nam	15/02/1991	Đắk Lắk	34.00	33.50
62	MB-386	Bùi Thị	Hậu	Nữ	29/4/1998	Hải Dương	35.00	25.00
63	MB-394	Trần Đình	Hiền	Nam	07/7/1988	Thừa Thiên Huế	36.00	32.75
64	MB-396	Lê Quang	Hiền	Nam	28/11/1973	Kon Tum	28.75	35.00
65	MB-410	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	05/02/1989	Quảng Nam	45.75	45.63
66	MB-413	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/10/1984	Lào Cai	35.00	36.00
67	MB-414	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/8/1987	Vĩnh Phúc	40.38	41.75
68	MB-415	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	44.75	50.25
69	MB-416	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	16/10/1995	Nam Định	36.00	40.75
70	MB-417	Hồ Thị Tú	Hiền	Nữ	06/01/1994	Nghệ An	45.00	29.63
71	MB-423	Trương Thị Hải	Hiệp	Nữ	26/9/1980	Hà Nội	23.00	29.50
72	MB-430	Phan Thị	Hiếu	Nữ	20/10/1991	Nghệ An	43.25	50.13
73	MB-432	Đinh Trọng	Hiếu	Nam	01/8/1982	Quảng Trị	42.50	45.25
74	MB-456	Hoàng Thanh	Hoài	Nữ	19/9/1994	Hà Nội	25.50	30.25

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
75	MB-465	Trần Huy	Hoàng	Nam	25/6/1995	Quảng Bình	41.00	39.75
76	MB-481	Lê Thị	Hồng	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	40.50	40.25
77	MB-483	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	07/10/1974	Đà Nẵng	45.25	48.38
78	MB-489	Đặng Công	Huân	Nam	29/10/1987	Quảng Bình	46.13	43.63
79	MB-492	Bùi Ngọc	Huệ	Nữ	18/3/1997	Quảng Bình	37.13	34.00
80	MB-507	Lê Văn	Hùng	Nam	23/7/1969	Hà Nội	37.00	37.75
81	MB-510	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	16/6/1974	Thanh Hóa	36.00	35.25
82	MB-513	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	27/8/1987	Hà Nội	30.25	35.63
83	MB-536	Phùng Thị	Hương	Nữ	06/9/1992	Hà Nội	16.38	24.00
84	MB-544	Đỗ Thị Xuân	Hương	Nữ	28/10/1981	Hà Nội	36.88	42.38
85	MB-549	Lê Thị	Hường	Nữ	12/3/1996	Quảng Ninh	44.75	43.50
86	MB-553	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	11/6/1992	Quảng Ninh	40.88	41.25
87	MB-558	Trương Công	Hữu	Nam	13/8/1992	Bắc Giang	35.75	36.00
88	MB-562	Lê	Huy	Nam	28/9/1991	Hà Nội	46.13	43.50
89	MB-569	Trịnh Quốc	Huy	Nam	30/3/1995	Hà Nội	35.00	39.25
90	MB-579	Âu Thị	Huyền	Nữ	22/5/1995	Bắc Giang	42.00	43.75
91	MB-591	Phan Thu	Huyền	Nữ	06/8/1997	Hà Nội	44.25	41.75
92	MB-594	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	08/7/1982	Hà Nội	38.00	41.00
93	MB-607	Tạ Đức	Khương	Nam	01/9/1991	Gia Lai	40.50	43.25
94	MB-611	Nguyễn Công	Kiên	Nam	05/01/1966	Hà Nội	29.63	38.75
95	MB-613	Trần Ngọc	Kiên	Nam	01/3/1992	Hà Nội	27.00	28.50
96	MB-617	Lò Trung	Kiên	Nam	29/11/1990	Son La	35.38	38.25
97	MB-621	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	20/02/1985	Thừa Thiên Huế	42.63	44.50
98	MB-626	Thái Văn	Kỳ	Nam	17/8/1995	Quảng Ngãi	38.88	42.25
99	MB-627	Lê Văn	Lai	Nam	29/10/1990	Ninh Thuận	29.75	30.75
100	MB-637	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	02/12/1975	Hà Nội	33.00	35.50
101	MB-639	Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	30/12/1997	Hà Nam	45.13	46.63
102	MB-642	Lê Thị	Lan	Nữ	20/01/1991	Hải Dương	36.63	33.38
103	MB-647	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/3/1994	Quảng Ninh	43.63	44.50
104	MB-651	Lê Thị Yên	Lan	Nữ	28/10/1993	Gia Lai	43.50	50.00
105	MB-654	Nguyễn Thị Thu	Lập	Nữ	20/8/1992	Gia Lai	45.00	42.50
106	MB-663	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	46.63	50.00
107	MB-669	Nguyễn Thị	Liều	Nữ	16/7/1991	Hung Yên	42.50	42.75
108	MB-671	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	05/12/1995	Hà Nội	49.00	50.50
109	MB-680	Phạm Lâm Khánh	Linh	Nữ	31/01/1987	Đà Nẵng	41.50	50.00
110	MB-684	Đào Mỹ	Linh	Nữ	03/3/1990	Hà Nội	37.50	37.25
111	MB-698	Phạm Thị	Linh	Nữ	02/4/1992	Son La	39.50	40.00
112	MB-706	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/6/1995	Quảng Bình	37.25	39.50
113	MB-716	Lê Thị	Loan	Nữ	18/9/1984	Vĩnh Phúc	44.00	48.00
114	MB-717	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	19/6/1993	Bắc Ninh	35.25	39.50
115	MB-720	Trần Thị	Loan	Nữ	28/5/1993	Hà Nội	43.38	44.25
116	MB-728	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	03/11/1988	Khánh Hòa	29.75	34.00
117	MB-732	Nguyễn Thành	Long	Nam	24/3/1988	Hà Nội	43.00	43.50

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
118	MB-740	Cao Văn	Luật	Nam	22/8/1998	Đà Nẵng	39.63	39.00
119	MB-741	Nguyễn Tấn	Lục	Nam	25/6/1990	Quảng Ngãi	41.75	42.00
120	MB-747	Nguyễn Tiến	Lương	Nam	26/7/1989	Sơn La	37.75	37.00
121	MB-761	Nguyễn Công	Lý	Nam	07/5/1987	Khánh Hòa	44.75	45.25
122	MB-763	Trần Văn	Lý	Nam	01/01/1961	Tuyên Quang	36.25	35.25
123	MB-768	Hoàng Trần Ngọc	Mai	Nữ	29/02/1992	Đà Nẵng	43.75	43.50
124	MB-775	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/9/1993	Hà Nội	41.63	42.63
125	MB-780	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	06/02/1987	Nghệ An	30.75	33.25
126	MB-790	Phạm Công	Minh	Nam	27/10/1991	Hà Nội	32.25	35.00
127	MB-795	Vũ Thị	Minh	Nữ	06/8/1994	Hải Phòng	43.63	41.38
128	MB-796	Chu Văn	Minh	Nam	12/9/1991	Nghệ An	37.75	40.25
129	MB-803	Nguyễn Thị	Mười	Nữ	16/8/1965	Gia Lai	37.50	33.13
130	MB-807	Lại Thị Lệ	Mỹ	Nữ	15/6/1995	Hà Tĩnh	41.00	39.38
131	MB-808	Nguyễn Thị Phương	Mỹ	Nữ	09/10/1991	Hà Nội	42.50	43.13
132	MB-827	Tạ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	16/11/1983	Lào Cai	35.38	37.63
133	MB-828	Đặng Thị	Nga	Nữ	03/8/1991	Hà Nội	41.25	40.68
134	MB-836	Phạm Thị	Ngân	Nữ	20/02/1997	Nam Định	44.50	44.38
135	MB-842	Nguyễn Minh	Nghiệp	Nam	02/10/1994	Quảng Nam	31.88	36.25
136	MB-851	Nguyễn Đức	Ngọc	Nam	11/02/1992	Hà Nội	43.88	45.63
137	MB-855	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	02/9/1995	Thái Bình	42.50	43.88
138	MB-865	Đỗ Trọng	Ngọc	Nam	13/6/1993	Yên Bái	38.25	40.25
139	MB-881	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	14/11/1992	Bắc Giang	44.00	44.38
140	MB-891	Cao Việt	Nhật	Nam	09/12/1994	Hà Nội	46.88	44.25
141	MB-902	Bùi Thị	Nhung	Nữ	05/6/1991	Lào Cai	41.25	40.38
142	MB-903	Dương Thị	Nhung	Nữ	19/9/1993	Thanh Hóa	36.25	39.13
143	MB-910	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/8/1987	Thái Bình	40.25	43.00
144	MB-915	Trần Hoàng	Điệp	Nữ	11/4/1988	Hà Nội	42.00	44.00
145	MB-916	Lê Thị Hồng	Minh	Nữ	23/6/1993	Hà Nội	40.38	36.63
146	MB-918	Huỳnh Đức	Oanh	Nam	26/7/1977	Quảng Ngãi	43.25	42.25
147	MB-920	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/02/1993	Hà Nội	35.00	37.38
148	MB-925	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	Nữ	07/10/1979	Quảng Ngãi	20.00	22.25
149	MB-931	Nguyễn Văn	Phát	Nam	03/7/1991	Hà Nội	46.50	48.25
150	MB-932	Phạm Văn	Phê	Nam	23/10/1963	Hòa Bình	34.00	29.58
151	MB-934	Lê Việt	Phong	Nam	26/02/1997	Thừa Thiên Huế	43.25	39.00
152	MB-937	Hồ Công	Phúc	Nam	12/7/1990	Thừa Thiên Huế	19.00	18.90
153	MB-939	Trần Mậu	Phúc	Nam	25/6/1988	Hà Nội	47.25	41.75
154	MB-941	Lê Thị Xuân	Phụng	Nữ	20/11/1994	Quảng Ngãi	43.25	39.75
155	MB-950	Dương Linh	Phương	Nữ	12/10/1992	Đắk Lắk	48.00	46.00
156	MB-955	Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	16/12/1994	Hải Phòng	47.00	41.75
157	MB-956	Dương Thị Minh	Phương	Nữ	19/12/1981	Phú Thọ	40.00	39.38
158	MB-957	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	25/10/1987	Hải Phòng	45.00	41.75
159	MB-965	Hoàng Thị	Phương	Nữ	24/01/1989	Hà Nội	36.75	37.38
160	MB-971	Tô Thị	Phương	Nữ	22/3/1979	Hà Nội	28.25	32.00

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
161	MB-973	Vũ Thị	Phuong	Nữ	10/9/1979	Hải Dương	32.25	31.13
162	MB-976	Trần Tri	Phuong	Nam	06/01/1984	Hà Nội	31.50	32.25
163	MB-989	Trần Thị Thúy	Phượng	Nữ	28/01/1995	Đắk Lắk	29.00	31.00
164	MB-992	Nguyễn Việt	Quân	Nam	07/5/1988	Hà Nội	44.50	43.88
165	MB-998	Hà Công	Quảng	Nam	10/5/1987	Phú Thọ	45.00	47.75
166	MB-1019	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/8/1993	Đà Nẵng	46.25	46.00
167	MB-1020	Dương Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/11/1991	Hà Nội	42.38	44.75
168	MB-1024	Võ Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/10/1990	Quảng Ngãi	44.63	44.63
169	MB-1025	Chu Thị	Quỳnh	Nữ	12/12/1997	Hà Nội	46.75	50.00
170	MB-1029	Trương Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	14/10/1997	Quảng Nam	47.63	50.00
171	MB-1030	Nguyễn Thành	Rin	Nam	23/10/1994	Quảng Nam	48.13	48.05
172	MB-1033	Nguyễn Thị	Sang	Nữ	19/7/1993	Quảng Ngãi	48.25	48.25
173	MB-1044	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	12/6/1997	Hà Nội	26.38	31.25
174	MB-1052	Phạm Ngọc	Son	Nam	08/12/1992	Thanh Hóa	33.50	34.75
175	MB-1053	Nguyễn Thanh	Son	Nam	24/11/1997	Hà Nội	46.50	47.00
176	MB-1063	Nguyễn Văn	Tài	Nam	23/3/1982	Hà Nội	34.00	36.00
177	MB-1066	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/12/1994	Hà Nội	44.50	45.75
178	MB-1070	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	28/02/1991	Thanh Hóa	38.50	38.75
179	MB-1073	Nguyễn Duy	Tân	Nam	11/5/1995	Lào Cai	41.25	41.00
180	MB-1074	Trần Minh	Tân	Nam	16/12/1986	Hà Nam	44.75	46.00
181	MB-1078	Nguyễn Duy	Thái	Nam	07/10/1994	Bắc Ninh	24.25	25.25
182	MB-1081	Phạm Hồng	Thái	Nữ	28/02/1984	Hà Nội	43.25	44.00
183	MB-1085	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	12/11/1997	Đà Nẵng	44.75	45.50
184	MB-1093	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	19/9/1989	Thái Nguyên	33.50	34.75
185	MB-1098	Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	12/7/1993	Thanh Hóa	36.00	36.00
186	MB-1106	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	18/9/1991	Gia Lai	28.75	29.75
187	MB-1118	Vũ Công	Thành	Nam	04/6/1996	Thái Bình	35.50	36.50
188	MB-1129	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	28/8/1995	Gia Lai	26.00	25.00
189	MB-1135	Trần Phương	Thảo	Nữ	20/8/1984	Bình Định	40.00	40.50
190	MB-1140	Bùi Thị	Thảo	Nữ	02/3/1994	Hà Nội	44.00	44.50
191	MB-1141	La Thị	Thảo	Nữ	07/3/1993	Hà Nội	39.50	40.00
192	MB-1147	Trần Thị	Thảo	Nữ	09/5/1991	Thanh Hóa	35.63	36.50
193	MB-1150	Mai Thu	Thảo	Nữ	30/9/1993	Thanh Hóa	40.38	41.25
194	MB-1153	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	14/01/1993	Thái Nguyên	46.00	44.25
195	MB-1175	Lê Họa	Thu	Nữ	10/3/1982	Tuyên Quang	42.75	42.88
196	MB-1188	Tô Thị	Thu	Nữ	11/02/1991	Bắc Ninh	24.88	24.25
197	MB-1192	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	28/6/1997	Hà Nội	49.38	50.00
198	MB-1193	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	03/12/1995	Thừa Thiên Huế	41.13	41.25
199	MB-1196	Lê Thị Bích	Thuận	Nữ	05/5/1982	Gia Lai	45.38	45.38
200	MB-1204	Nguyễn Quỳnh	Thương	Nữ	08/10/1989	Nghệ An	34.25	34.75
201	MB-1211	Bùi Thị	Thùy	Nữ	19/4/1999	Thanh Hóa	43.50	43.75
202	MB-1212	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	30/10/1991	Bắc Ninh	44.50	44.25
203	MB-1213	Mai Diệu	Thúy	Nữ	02/8/1991	Quảng Nam	44.00	44.63

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
204	MB-1216	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	03/02/1989	Hà Nội	38.25	39.75
205	MB-1221	Trương Thanh	Thúy	Nữ	15/01/1987	Hà Nội	34.63	35.88
206	MB-1230	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	02/6/1993	Hà Nội	47.88	47.75
207	MB-1231	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	22/11/1990	Vĩnh Phúc	43.38	43.63
208	MB-1245	Doãn Thanh	Thúy	Nữ	21/02/1982	Hà Nội	46.38	45.88
209	MB-1249	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	24/01/1983	Ninh Bình	37.63	35.25
210	MB-1256	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	28/9/1993	Hà Nội	41.50	41.50
211	MB-1259	Lê Thị Thu	Thúy	Nữ	03/5/1999	Hà Nội	38.75	36.00
212	MB-1262	Trương Thị Thu	Thúy	Nữ	28/11/1996	Thừa Thiên Huế	42.75	41.88
213	MB-1275	Vũ Đức	Tiếp	Nam	08/9/1991	Bắc Giang	40.63	39.00
214	MB-1278	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	01/5/1993	Đắk Lắk	42.50	41.25
215	MB-1283	Nguyễn Dương	Toàn	Nam	18/01/1976	Hải Dương	35.63	39.00
216	MB-1284	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	25/3/1995	Hà Nội	39.38	44.50
217	MB-1288	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/4/1995	Hà Nội	38.63	44.00
218	MB-1291	Lê Thị	Trà	Nữ	28/6/1991	Hà Nội	39.63	45.75
219	MB-1298	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	10/5/1995	Hà Nội	40.25	43.38
220	MB-1305	Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	21/01/1992	Đắk Lắk	36.00	35.25
221	MB-1308	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/10/1991	Thanh Hóa	37.88	44.63
222	MB-1318	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	16/10/1988	Hải Phòng	39.50	41.75
223	MB-1319	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/02/1997	Nghệ An	41.88	50.00
224	MB-1321	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	31/8/1992	Hà Nội	40.63	45.88
225	MB-1324	Đào Thị	Trang	Nữ	15/8/1987	Hà Nội	32.25	35.38
226	MB-1333	Hà Thu	Trang	Nữ	09/10/1994	Quảng Ninh	40.00	44.88
227	MB-1345	Đàm Ngọc	Trí	Nam	10/4/1982	Khánh Hòa	44.50	44.00
228	MB-1352	Phan Thị Tuyết	Trình	Nữ	19/7/1991	Vĩnh Phúc	40.13	40.13
229	MB-1355	Võ Đăng	Trình	Nam	19/9/1996	Phú Yên	32.38	39.75
230	MB-1362	Trần Nam	Trung	Nam	02/8/1978	Gia Lai	20.75	24.63
231	MB-1363	Trần Thành	Trung	Nam	05/02/1979	Hà Nội	39.38	37.00
232	MB-1366	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	21/11/1994	Hà Nội	34.63	39.13
233	MB-1372	Lê Anh	Tú	Nam	15/02/1996	Quảng Nam	31.00	33.75
234	MB-1376	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	08/12/1995	Hà Nội	41.38	45.50
235	MB-1381	Nguyễn Hữu	Tuân	Nam	22/02/1986	Hà Nội	25.38	26.25
236	MB-1397	Trần Trọng Việt	Tuân	Nam	18/8/1993	Đắk Lắk	35.00	35.50
237	MB-1400	Trịnh Minh	Tùng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	40.28	45.75
238	MB-1404	Nguyễn Minh	Từ	Nam	06/5/1991	Đắk Lắk	36.25	38.50
239	MB-1413	Đoàn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	24/10/1987	Hà Tĩnh	43.75	44.50
240	MB-1434	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/9/1957	Ninh Thuận	36.25	37.75
241	MB-1446	Phạm Thị Thúy	Vi	Nữ	02/01/1993	Khánh Hòa	40.00	41.00
242	MB-1448	Võ Thị Tường	Vi	Nữ	15/7/1990	Quảng Nam	45.50	46.50
243	MB-1453	Trần Quốc	Việt	Nam	07/6/1977	Thanh Hóa	29.00	28.00
244	MB-1458	Hán Văn	Vinh	Nam	25/9/1993	Phú Thọ	43.50	50.00
245	MB-1464	Đình Quang	Vũ	Nam	19/3/1993	Đà Nẵng	30.00	30.25
246	MB-1473	Trần Võ Hoàng	Vỹ	Nữ	01/01/1991	Khánh Hòa	38.25	38.25

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
247	MB-1475	Nguyễn Thị Kim	Xuân	Nữ	20/9/1975	Khánh Hòa	28.75	28.25
248	MB-1476	Lê Thị	Xuân	Nữ	02/9/1994	Hải Dương	46.38	49.00
249	MB-1483	Chu Lữ Hải	Yến	Nữ	16/02/1987	Hà Nội	45.13	45.75
250	MB-1484	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	14/8/1991	Bắc Giang	44.75	45.50
251	MB-1488	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/10/1982	Hải Phòng	46.25	48.00
252	MB-1495	Khuất Thị	Yến	Nữ	02/7/1992	Hà Nội	28.63	22.75
253	MN-01	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	Nữ	29/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	36.88	36.63
254	MN-06	Đoàn Hoàng	An	Nữ	02/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	36.13
255	MN-08	Lê Quốc	An	Nam	08/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	46.25	42.63
256	MN-11	Đặng Lê Trường	An	Nam	26/5/1993	Long An	33.25	32.13
257	MN-12	Nguyễn Văn	An	Nam	05/9/1989	Tp. Hồ Chí Minh	27.75	30.50
258	MN-13	Tô Nguyễn Xuân	An	Nữ	10/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	45.75	44.25
259	MN-17	Đào Thị Hoàng	Anh	Nữ	24/10/1985	Tp. Hồ Chí Minh	33.50	33.50
260	MN-21	Hà Thị Kim	Anh	Nữ	27/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	42.25	43.00
261	MN-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	20/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	34.88	43.25
262	MN-25	Nguyễn Trần Lan	Anh	Nữ	13/3/1996	Đồng Nai	36.00	37.13
263	MN-27	Lương Thị Mỹ	Anh	Nữ	01/5/1992	Lâm Đồng	46.75	46.13
264	MN-39	Nguyễn Phan Trọng	Anh	Nam	02/12/1994	Đồng Nai	35.50	36.38
265	MN-52	Lương Thanh	Bảng	Nam	1983	An Giang	34.00	32.63
266	MN-62	Trần Ngọc	Bích	Nữ	30/12/1994	Lâm Đồng	42.00	40.25
267	MN-66	Hoàng Thị Ngọc	Bình	Nữ	15/02/1995	Bình Phước	42.00	36.25
268	MN-75	Vũ Thị Thanh	Bình	Nam	29/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	40.63	40.38
269	MN-83	Đoàn Ngọc Nhật	Bữu	Nam	02/9/1990	Long An	39.50	38.75
270	MN-87	Nguyễn Đình	Cang	Nam	17/9/1985	Tp. Hồ Chí Minh	30.38	30.75
271	MN-110	Nguyễn Văn	Cường	Nam	25/11/1975	Đồng Nai	31.75	32.25
272	MN-121	Huỳnh Thị Tông	Chi	Nữ	21/5/1993	Bình Dương	37.00	35.50
273	MN-130	Võ Văn	Chinh	Nam	06/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	35.00
274	MN-133	Chu Tự	Chính	Nam	20/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	45.00	42.75
275	MN-137	Nguyễn Công	Danh	Nam	05/10/1995	Bình Dương	43.88	40.50
276	MN-140	Huỳnh Thị Bích	Diễm	Nữ	15/5/1991	Cần Thơ	39.75	34.75
277	MN-141	Phạm Thị Hồng	Diễm	Nữ	08/3/1981	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	37.38
278	MN-145	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	02/4/1995	Cần Thơ	37.63	35.38
279	MN-146	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	24/4/1992	Kiên Giang	45.00	41.50
280	MN-147	Lê Đoàn Phụng	Diễm	Nữ	05/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	42.50
281	MN-149	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	18/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	47.75	46.13
282	MN-151	Lê Minh	Diệu	Nữ	26/7/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	46.88	44.25
283	MN-156	Lê Ngọc	Doanh	Nam	08/7/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	40.00	41.75
284	MN-169	Phạm Hồng	Dũng	Nam	12/11/1981	Tp. Hồ Chí Minh	44.75	40.75
285	MN-175	Hà Anh	Duy	Nam	20/6/1996	Cần Thơ	24.38	17.25
286	MN-177	Lê Bửu	Duy	Nam	17/4/1987	Đồng Nai	45.50	42.00
287	MN-179	Nguyễn Đức	Duy	Nam	28/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	42.75	40.88
288	MN-183	Huỳnh Khánh	Duy	Nam	03/9/1994	Đồng Nai	43.50	41.88
289	MN-185	Hồ Minh	Duy	Nam	01/01/1989	Tp. Hồ Chí Minh	44.38	44.25

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
290	MN-188	Huỳnh Tư	Duy	Nam	25/4/1994	Tp. Hồ Chí Minh	44.50	39.00
291	MN-198	Nguyễn Hoài	Dương	Nữ	03/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	36.68
292	MN-201	Nguyễn Thái	Dương	Nam	07/4/1994	Đồng Nai	39.00	28.75
293	MN-207	Lương Văn	Đa	Nam	22/12/1985	Lâm Đồng	47.00	50.33
294	MN-213	Hà Văn	Đám	Nam	1990	Long An	36.50	34.50
295	MN-215	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	15/12/1988	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	38.50
296	MN-216	Phạm Thị Anh	Đào	Nữ	07/7/1993	Bến Tre	40.75	33.25
297	MN-227	Huỳnh Trọng	Đạt	Nam	09/9/1988	Cần Thơ	44.00	42.75
298	MN-230	Tạ Trung	Đăng	Nam	06/9/1994	Cần Thơ	47.00	45.13
299	MN-232	Phan Quang	Đầy	Nam	24/01/1994	Hậu Giang	41.00	39.00
300	MN-240	Trần Chí	Đinh	Nam	11/10/1996	Cà Mau	42.50	50.75
301	MN-243	Phạm Công	Định	Nam	08/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	32.00	45.50
302	MN-244	Đinh Hữu	Định	Nam	03/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	40.25	46.25
303	MN-253	Trương Quang	Đông	Nam	11/11/1970	Tp. Hồ Chí Minh	41.38	39.13
304	MN-255	Phạm Duy	Đức	Nam	28/3/1988	Đồng Nai	34.38	38.75
305	MN-263	Võ Việt	Đức	Nam	30/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	40.50	41.63
306	MN-264	Nguyễn Văn	Được	Nam	15/10/1971	Bình Thuận	28.25	27.88
307	MN-277	Nguyễn Thụy Ngân	Giang	Nữ	27/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	31.13	44.88
308	MN-280	Nguyễn Phạm Trường	Giang	Nam	30/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	24.75	25.25
309	MN-285	Thái Thị Ngọc	Giàu	Nữ	16/12/1987	Đồng Nai	33.50	34.75
310	MN-287	Phạm Mạnh	Hà	Nam	09/8/1983	Cần Thơ	24.38	27.00
311	MN-290	Đinh Thị Ngọc	Hà	Nữ	24/02/1992	Cần Thơ	42.00	43.25
312	MN-295	Nông Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1998	Đồng Nai	48.00	50.00
313	MN-297	Nguyễn Văn	Hà	Nam	11/01/1994	Lâm Đồng	40.50	40.75
314	MN-306	Bạch Ngọc Lam	Hải	Nữ	07/02/1993	Tiền Giang	45.00	44.50
315	MN-307	Lưu Minh	Hải	Nam	04/8/1989	Bình Thuận	42.75	43.00
316	MN-313	Phan Thị	Hải	Nữ	03/2/1988	Tiền Giang	39.50	40.00
317	MN-320	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	17/12/1982	Tây Ninh	38.50	39.00
318	MN-326	Lưu Tấn	Hạnh	Nam	08/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	39.50
319	MN-331	Huỳnh Thị	Hảo	Nữ	14/10/1991	Cần Thơ	38.25	39.00
320	MN-333	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	20/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	43.75	44.75
321	MN-335	Huỳnh Thị Như	Hằng	Nữ	25/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	36.25	36.00
322	MN-339	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	39.75	41.50
323	MN-347	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/4/1998	Đồng Tháp	40.50	40.75
324	MN-349	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/5/1997	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	42.50
325	MN-357	Phạm Thị Hồng	Hậu	Nữ	26/7/1994	Tây Ninh	42.63	41.50
326	MN-358	Nguyễn Kim	Hậu	Nữ	15/01/1992	Bình Thuận	41.50	43.00
327	MN-359	Hồ Văn	Hậu	Nam	10/01/1991	Bến Tre	38.50	38.75
328	MN-369	Dương Thu	Hiền	Nữ	29/6/1989	Tp. Hồ Chí Minh	30.63	38.00
329	MN-372	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	15/10/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	43.00	42.75
330	MN-374	Trần Thúy	Hiền	Nữ	15/8/1985	Tp. Hồ Chí Minh	40.63	41.75
331	MN-383	Ngô Thị Thanh	Hiếu	Nữ	29/02/1996	Tiền Giang	27.00	23.00

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
332	MN-393	Phạm Thị Hồng	Hoa	Nữ	19/9/1985	Bến Tre	41.38	33.00
333	MN-396	Phạm Thị Kim	Hoa	Nữ	04/3/1992	Tây Ninh	45.63	43.00
334	MN-397	Huỳnh Văn Ngọc	Hoa	Nam	14/02/1991	Đồng Nai	39.75	47.00
335	MN-399	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	02/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	45.63	45.50
336	MN-400	Lục Thị Thanh	Hoa	Nữ	10/10/1984	Kiên Giang	40.13	44.50
337	MN-402	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/01/1991	Tp. Hồ Chí Minh	38.38	40.00
338	MN-407	Hồ Thị Mỹ	Hòa	Nữ	14/10/1985	Tiền Giang	34.50	31.50
339	MN-408	Trần Thị Ngọc	Hòa	Nữ	10/11/1987	Bình Thuận	43.50	32.50
340	MN-409	Dương Châu Thái	Hòa	Nam	16/5/1996	Đồng Nai	34.00	36.00
341	MN-412	Trịnh Thanh	Hoài	Nam	02/11/1989	Bình Dương	39.63	43.00
342	MN-419	Trần Chấn	Hoàng	Nam	02/01/1971	Cần Thơ	36.13	40.50
343	MN-441	Đỗ Thị Thúy	Hồng	Nữ	04/4/1987	Tây Ninh	32.25	33.50
344	MN-443	Nguyễn Công	Huân	Nam	27/3/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	32.88	33.50
345	MN-452	Lê Tiến	Hùng	Nam	19/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	36.50	37.75
346	MN-455	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	09/10/1981	Cần Thơ	34.13	31.00
347	MN-463	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	16/11/1980	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	38.25
348	MN-467	Lê Vũ	Huy	Nam	07/5/1992	Bình Thuận	39.50	39.00
349	MN-468	Nguyễn Vũ	Huy	Nam	25/4/1993	Long An	39.88	38.00
350	MN-471	Đoàn Thị Kim	Huyền	Nữ	05/2/1995	Tp. Hồ Chí Minh	46.50	48.00
351	MN-478	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	12/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	43.75	35.75
352	MN-480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	46.00	43.50
353	MN-486	Phạm Duy	Hưng	Nam	22/9/1966	Tp. Hồ Chí Minh	37.88	32.75
354	MN-489	Nguyễn Phong	Hưng	Nam	18/5/1995	Cần Thơ	43.50	48.00
355	MN-492	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	17/02/1990	Tp. Hồ Chí Minh	43.75	36.75
356	MN-495	Phạm Lan	Hương	Nữ	25/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	42.63	35.50
357	MN-497	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	10/9/1985	Tp. Hồ Chí Minh	35.25	34.00
358	MN-503	Phạm Thị	Hương	Nữ	15/7/1994	Bình Phước	39.88	39.75
359	MN-506	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	07/02/1985	Tp. Hồ Chí Minh	14.50	16.75
360	MN-510	Đỗ Thị	Hường	Nữ	10/01/1993	Bình Phước	36.25	35.38
361	MN-529	Y Phích	Ktla	Nam	09/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	40.25	40.50
362	MN-532	Hà Thanh	Khải	Nam	04/4/1985	Hậu Giang	27.75	29.38
363	MN-533	Đặng Duy	Khanh	Nam	17/9/1984	Tp. Hồ Chí Minh	34.00	34.63
364	MN-534	Hoàng	Khanh	Nam	01/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	35.25	35.38
365	MN-537	Nguyễn Huỳnh Trúc	Khanh	Nữ	17/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.75	39.88
366	MN-541	Phan Minh	Khánh	Nam	01/02/1985	Tp. Hồ Chí Minh	46.50	46.00
367	MN-544	Kim Văn	Khánh	Nam	17/11/1996	Lâm Đồng	32.00	32.88
368	MN-546	Đặng Vũ	Khánh	Nam	23/02/1996	Tây Ninh	43.25	43.13
369	MN-551	Trần Đình	Khoái	Nam	05/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	34.88	33.38
370	MN-558	Dương An	Khuong	Nam	22/6/1992	Bình Dương	36.75	37.75
371	MN-560	Lương Diễm	Lam	Nữ	05/6/1993	Cà Mau	48.00	50.63
372	MN-566	Nguyễn Quang	Lâm	Nam	21/6/1994	Đắk Nông	25.00	25.13
373	MN-590	Mạch Thị Khánh	Linh	Nữ	20/12/1994	Bình Phước	32.13	33.63

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
374	MN-591	Trịnh Văn Khánh	Linh	Nữ	02/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	27.88	29.25
375	MN-597	Lê Nguyễn Phương	Linh	Nữ	07/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	32.00	31.00
376	MN-598	Dương Thị Phương	Linh	Nữ	07/8/1993	Cần Thơ	39.88	38.38
377	MN-605	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/11/1984	Long An	30.38	29.88
378	MN-607	Đoàn Thị Trúc	Linh	Nữ	01/6/1995	Tiền Giang	31.88	30.38
379	MN-612	Phan Đình Hồng	Lĩnh	Nam	29/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	23.88	23.63
380	MN-614	Đậu Khắc	Lĩnh	Nam	19/02/1992	Đồng Nai	30.13	30.38
381	MN-619	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	36.25	37.38
382	MN-622	Thái Hoàng	Long	Nam	14/12/1995	Bình Dương	42.50	39.63
383	MN-628	Tiết Thiên	Long	Nam	24/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	37.63	29.25
384	MN-636	Ngô Thị	Lợi	Nữ	16/01/1975	Bình Phước	29.50	30.00
385	MN-645	Phạm Thị	Luyến	Nữ	10/11/1993	Bình Dương	45.00	42.88
386	MN-657	Chế Thị Mỹ	Ly	Nữ	02/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	42.50	38.88
387	MN-663	Trần Thị Hoa	Lý	Nữ	15/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	36.25	37.38
388	MN-664	Vũ Thị Hoàng	Mai	Nữ	18/01/1988	Đồng Nai	39.63	38.00
389	MN-665	Nguyễn Thị Huyền	Mai	Nữ	29/12/1997	Bình Dương	34.13	33.75
390	MN-696	Mai Đức	Mừng	Nam	10/3/1993	Bình Phước	40.25	43.25
391	MN-701	Hoàng Nguyễn Hà	My	Nữ	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	45.00	51.38
392	MN-705	Cái Thị	Mỹ	Nữ	22/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	37.50
393	MN-713	Trần Quốc	Nam	Nam	28/5/1983	Bình Dương	40.50	37.38
394	MN-721	Nguyễn Bé	Năm	Nữ	10/11/1985	Cần Thơ	26.50	23.13
395	MN-725	Phạm Thị Thuỳ	Ninh	Nữ	20/6/1993	Lâm Đồng	43.50	37.88
396	MN-731	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	20/11/1989	Đồng Nai	28.00	31.00
397	MN-732	Lê Thị Quỳnh	Nga	Nữ	16/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	35.75
398	MN-733	Trần Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	30.88	34.75
399	MN-735	Tô Thị Thanh	Nga	Nữ	14/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	37.88	39.75
400	MN-738	Đinh Thị Thiên	Nga	Nữ	04/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	29.00	36.13
401	MN-739	Lê Văn Anh	Ngà	Nam	01/5/1989	Tp. Hồ Chí Minh	41.75	44.13
402	MN-746	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Nữ	04/7/1996	Long An	21.13	21.75
403	MN-748	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	28/4/1996	Hậu Giang	35.75	35.63
404	MN-750	Phan Thị Ngọc	Ngân	Nữ	28/6/1994	Đồng Nai	26.13	27.25
405	MN-752	Lý Thiên	Ngân	Nữ	26/11/1993	Cần Thơ	45.00	45.75
406	MN-763	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	14/9/1967	Bình Dương	19.25	18.63
407	MN-773	Lâm Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/6/1994	Bình Dương	35.13	32.00
408	MN-774	Nguyễn Thị Châu	Ngọc	Nữ	28/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	42.25	44.50
409	MN-792	Mai Thái	Nguyên	Nam	01/02/1995	Bình Dương	35.00	35.25
410	MN-801	Nguyễn Trường	Nguyên	Nam	17/02/1978	Tp. Hồ Chí Minh	38.88	35.50
411	MN-807	Nguyễn Hoàng Như	Nguyệt	Nữ	29/3/1984	Tp. Hồ Chí Minh	37.63	37.50
412	MN-813	Trương Thị Đình	Nhàn	Nữ	14/11/1973	Tp. Hồ Chí Minh	15.88	21.00
413	MN-814	Huỳnh Ngọc	Nhàn	Nữ	24/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	40.88	38.50
414	MN-817	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/3/1979	Đồng Nai	31.88	30.00
415	MN-825	Lê Thanh	Nhân	Nam	07/11/1998	Cần Thơ	40.13	42.00
416	MN-831	Hà Thanh	Nhật	Nam	10/3/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	43.00	43.75

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
417	MN-832	Tề Thị Cẩm	Nhi	Nữ	16/8/1982	Sóc Trăng	22.38	26.25
418	MN-834	Phạm Thị Hoàng	Nhi	Nữ	27/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	41.50	41.00
419	MN-836	Quách Khả	Nhi	Nữ	26/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	42.25	45.75
420	MN-865	Vũ Thị Thùy	Nhung	Nữ	23/02/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	42.75	39.25
421	MN-870	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	22/8/1996	Long An	37.13	34.75
422	MN-872	Tạ Thị Quỳnh	Như	Nữ	03/12/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	40.75	36.50
423	MN-875	Tia Thụy	Như	Nữ	03/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	41.00	40.00
424	MN-878	Ngô Minh	Nhật	Nam	16/5/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	42.50	40.25
425	MN-886	Phạm Thị Trâm	Oanh	Nữ	04/10/1993	Lâm Đồng	43.50	42.25
426	MN-888	Nguyễn Quang	Phát	Nam	12/02/1995	Bình Dương	32.00	33.00
427	MN-892	Nguyễn Thị Hà	Phiên	Nữ	03/9/1996	Bình Phước	43.00	38.50
428	MN-899	Phạm Thanh	Phong	Nam	20/9/1994	Cần Thơ	45.50	46.50
429	MN-902	Nguyễn Thị Hồng	Phú	Nữ	23/02/1995	Đồng Nai	48.50	45.25
430	MN-908	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	21/4/1994	Cần Thơ	40.00	36.25
431	MN-914	Nguyễn Đỗ Thái	Phúc	Nam	19/7/1973	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	36.25
432	MN-916	Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	14/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	43.00	43.25
433	MN-917	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	Nam	30/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	38.50
434	MN-944	Phan Thanh	Phương	Nam	06/6/1994	Đắk Nông	31.50	33.38
435	MN-948	Trần Thị	Phương	Nữ	29/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	38.00
436	MN-965	Đỗ Trung	Quân	Nam	28/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	22.38	23.75
437	MN-972	Trần Đức	Quý	Nam	14/6/1984	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	38.25
438	MN-975	Nguyễn Thị Xuân	Quý	Nữ	10/9/1986	Tp. Hồ Chí Minh	38.88	39.63
439	MN-983	Bùi Thuý	Quyên	Nữ	12/9/1994	Lâm Đồng	31.00	28.75
440	MN-987	Trần Văn	Quyết	Nam	02/02/1989	Tp. Hồ Chí Minh	43.25	44.50
441	MN-990	Ngô Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	45.25	45.25
442	MN-994	Thái Huỳnh Ái	Sa	Nữ	01/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	38.00	39.00
443	MN-997	Nguyễn Minh	Sang	Nam	28/02/1995	Bình Phước	42.63	43.38
444	MN-1002	Đỗ Thị	Sang	Nữ	25/6/1988	Tp. Hồ Chí Minh	43.00	43.63
445	MN-1003	Trần Thọ	Sang	Nữ	07/4/1992	An Giang	35.50	37.88
446	MN-1008	Hoàng Thị	Sâm	Nữ	21/01/1987	Lâm Đồng	47.00	48.38
447	MN-1026	Trần Thị Nữ	Sương	Nữ	27/6/1992	Bình Thuận	42.00	40.50
448	MN-1029	Đinh Hữu	Sỹ	Nam	12/5/1979	Lâm Đồng	30.50	30.63
449	MN-1037	Mạch Thành	Tài	Nam	27/5/1996	Bến Tre	42.50	43.13
450	MN-1045	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	16/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	40.00	41.88
451	MN-1055	Phạm Ngọc	Tân	Nam	06/3/1984	Lâm Đồng	40.00	41.25
452	MN-1058	Nguyễn Hùng	Tấn	Nam	04/9/1987	Tiền Giang	37.00	37.38
453	MN-1066	Phạm Thị Kiều	Tiên	Nữ	25/01/1987	Tiền Giang	43.25	43.25
454	MN-1073	Nguyễn Thị	Tiên	Nữ	13/4/1997	Cần Thơ	35.13	35.25
455	MN-1074	Phan Thị Thuý	Tiên	Nữ	24/02/1991	Lâm Đồng	46.00	46.25
456	MN-1091	Nguyễn Thành	Tín	Nam	09/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	35.25	35.25
457	MN-1092	Nguyễn Trung	Tín	Nam	14/10/1987	Kiên Giang	38.13	36.75
458	MN-1095	Trần Cao Thanh	Toàn	Nữ	13/9/1988	Tp. Hồ Chí Minh	36.75	36.50
459	MN-1100	Mai Anh	Tú	Nam	17/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	46.00	45.75

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
460	MN-1114	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	25/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	42.88	42.00
461	MN-1127	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	38.75
462	MN-1140	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	29/3/1989	Bình Dương	43.63	44.00
463	MN-1144	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	06/01/1994	Cần Thơ	25.75	26.00
464	MN-1145	Trần Thị Bích	Tuyền	Nữ	17/02/1995	Trà Vinh	28.50	27.50
465	MN-1146	Phan Thị Kim	Tuyền	Nữ	20/7/1987	Cần Thơ	41.88	41.50
466	MN-1150	Trần Ngọc	Tuyền	Nam	09/6/1986	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	38.00
467	MN-1156	Nguyễn Đình	Tuyền	Nam	27/5/1971	Tp. Hồ Chí Minh	39.75	33.25
468	MN-1157	Võ Thị Hồng	Tuyền	Nữ	24/02/1992	Kiên Giang	47.38	46.75
469	MN-1165	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	26/3/1986	Bình Dương	33.25	28.63
470	MN-1168	Vũ Thị	Tứ	Nữ	19/5/1976	Tp. Hồ Chí Minh	45.50	41.75
471	MN-1169	Lê Lam	Tước	Nữ	21/8/1997	Tiền Giang	43.25	36.25
472	MN-1176	Trần Thị Phương	Thái	Nữ	23/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	46.25	45.75
473	MN-1179	Ngô Bình	Thanh	Nữ	17/01/1994	Hậu Giang	39.75	32.38
474	MN-1181	Mai Đức	Thanh	Nam	01/01/1975	Bình Dương	35.38	32.75
475	MN-1182	Trần Thị Hoài	Thanh	Nữ	05/4/1991	Bình Dương	33.75	31.00
476	MN-1187	Liêu Nguyệt	Thanh	Nữ	09/11/1986	Bình Dương	43.50	39.50
477	MN-1193	Huỳnh Ngọc Thiên	Thanh	Nam	13/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	40.50
478	MN-1196	Nguyễn Thị Yến	Thanh	Nữ	18/10/1993	Bình Dương	43.63	43.38
479	MN-1198	Đàm Chí	Thành	Nam	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	40.88	42.38
480	MN-1200	Nguyễn Đức	Thành	Nam	15/10/1978	Đồng Nai	29.00	24.75
481	MN-1203	Trang Như	Thành	Nam	27/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	39.25	34.50
482	MN-1204	Nguyễn Phước	Thành	Nam	16/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	43.13	40.50
483	MN-1205	Phạm Phước	Thành	Nam	24/02/1979	Đồng Tháp	33.25	30.00
484	MN-1206	Phan Tất	Thành	Nam	17/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	38.38	38.38
485	MN-1207	Lương Thanh	Thành	Nam	14/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	43.00	39.88
486	MN-1212	Lê Việt	Thành	Nam	11/8/1991	Đồng Nai	45.25	40.75
487	MN-1216	Nguyễn Đức	Thảo	Nam	06/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	43.50	40.63
488	MN-1227	Võ Phương	Thảo	Nữ	01/11/1988	Bến Tre	43.00	44.25
489	MN-1228	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/11/1985	Tiền Giang	43.50	42.13
490	MN-1233	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/12/1985	Tp. Hồ Chí Minh	39.50	39.25
491	MN-1237	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	23/10/1995	Cần Thơ	34.13	30.75
492	MN-1240	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	30/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	41.63	36.75
493	MN-1242	Nguyễn Thị	Thạo	Nữ	01/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	34.50	30.50
494	MN-1245	Trương Thị	Thắm	Nữ	01/01/1995	Cần Thơ	38.50	31.00
495	MN-1258	Dương Minh	Thật	Nam	15/01/1976	Sóc Trăng	13.00	13.25
496	MN-1262	Trần Thị Ngọc	Thi	Nữ	11/12/1986	Lâm Đồng	40.25	39.88
497	MN-1263	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	30/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	37.88
498	MN-1265	Đoàn Nam	Thiên	Nam	19/02/1989	Bình Phước	39.38	35.33
499	MN-1266	Lê Đức	Thiện	Nam	18/02/1996	Long An	42.13	40.03
500	MN-1271	Nguyễn Lâm Phương	Thiện	Nam	02/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	26.25	28.50
501	MN-1272	Đàm Văn	Thiện	Nam	01/3/1992	Tp. Hồ Chí Minh	39.38	39.63
502	MN-1274	Trần Văn	Thiệt	Nam	03/5/1990	Tây Ninh	28.25	22.75

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
503	MN-1279	Trần Hữu	Thọ	Nam	19/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	31.88	24.00
504	MN-1287	Lý Minh	Thống	Nam	03/8/1985	Cần Thơ	31.50	22.75
505	MN-1297	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	19/01/1990	Tp. Hồ Chí Minh	43.50	46.25
506	MN-1299	Lê Thị Nguyệt	Thu	Nữ	20/10/1991	Cần Thơ	40.38	41.00
507	MN-1304	Lê Phúc	Thuận	Nam	04/9/1990	Bình Phước	31.88	32.50
508	MN-1306	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	01/6/1991	Bình Dương	38.75	40.50
509	MN-1322	Bùi Thanh	Thủy	Nữ	27/01/1994	Cần Thơ	42.63	25.75
510	MN-1325	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	30/11/1983	Tiền Giang	25.38	33.50
511	MN-1328	Mai Thị	Thủy	Nữ	14/9/1997	Long An	33.88	42.00
512	MN-1338	Trịnh Thanh	Thúy	Nữ	02/02/1992	Vĩnh Long	33.50	34.75
513	MN-1343	Lê Anh	Thư	Nữ	21/02/1996	Hậu Giang	34.00	33.50
514	MN-1344	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	20/10/1996	Cần Thơ	39.75	41.50
515	MN-1345	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/9/1995	Cần Thơ	41.25	28.50
516	MN-1346	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	15/02/1994	Long An	43.88	38.50
517	MN-1351	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	01/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	30.88	39.50
518	MN-1352	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	14/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	41.50	33.75
519	MN-1359	Nguyễn Duy	Thức	Nam	01/11/1980	Đồng Nai	29.88	30.38
520	MN-1370	Vũ Đan	Thy	Nữ	18/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	37.75	40.75
521	MN-1374	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	28/8/1984	Tp. Hồ Chí Minh	39.75	40.88
522	MN-1377	Dương Huyền	Trang	Nữ	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	37.50	38.00
523	MN-1380	Vũ Thanh Huyền	Trang	Nữ	24/7/1992	Bình Thuận	43.38	44.75
524	MN-1381	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/5/1989	Tây Ninh	39.25	39.38
525	MN-1386	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	24/8/1991	Bình Dương	33.63	34.88
526	MN-1394	Lê Thị	Trang	Nữ	06/3/1990	Đắk Nông	37.50	41.75
527	MN-1402	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	28/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	37.00	40.38
528	MN-1406	Phạm Xuân	Trang	Nữ	16/8/1991	Tp. Hồ Chí Minh	40.25	42.63
529	MN-1410	Nguyễn Thị Ngọc	Trắng	Nữ	11/10/1992	Cần Thơ	31.75	33.00
530	MN-1412	Phạm Thị Bích	Trâm	Nữ	27/7/1997	Long An	29.75	30.88
531	MN-1413	Lê Ngọc Mai	Trâm	Nữ	18/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	40.25	44.13
532	MN-1414	Hồ Ngọc Minh	Trâm	Nữ	03/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	40.75	42.00
533	MN-1415	Nguyễn Phan Ngọc	Trâm	Nữ	19/6/1995	Bình Dương	42.50	44.25
534	MN-1416	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25/7/1997	Lâm Đồng	43.75	44.63
535	MN-1425	Cao Thị Thùy	Trâm	Nữ	12/7/1996	Đồng Nai	36.75	37.13
536	MN-1429	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	05/12/1996	Bến Tre	38.75	36.75
537	MN-1430	Trần Huyền	Trân	Nữ	03/10/1989	Cần Thơ	36.50	37.25
538	MN-1433	Nguyễn Minh	Trần	Nam	02/11/1986	Trà Vinh	37.25	38.13
539	MN-1435	Trần Tiểu	Tri	Nữ	29/01/1991	Lâm Đồng	33.25	34.65
540	MN-1436	Võ Đức	Trí	Nam	05/7/1982	Cần Thơ	40.25	41.38
541	MN-1439	Phạm Minh	Trí	Nam	27/02/1995	Long An	30.00	30.98
542	MN-1452	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam	12/6/1997	Long An	31.50	37.50
543	MN-1456	Lữ Thanh	Trúc	Nữ	19/11/1981	Bến Tre	40.75	39.63
544	MN-1460	Trần Phan Minh	Trung	Nam	29/5/1990	Tp. Hồ Chí Minh	24.38	25.50
545	MN-1465	Huỳnh Cao	Trường	Nam	10/11/1971	Long An	27.03	27.38

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	
							Điểm chấm lần đầu	Điểm phúc tra
546	MN-1475	Lê Phương	Uyên	Nữ	10/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	31.50	33.80
547	MN-1491	Lê Thị Thúy	Vân	Nữ	10/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	44.25	44.63
548	MN-1492	Hồ Thị Tường	Vi	Nữ	21/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	39.88	42.25
549	MN-1499	Vũ Thiên	Việt	Nam	18/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	43.08	41.13
550	MN-1500	Nguyễn Út	Việt	Nam	17/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	44.33	41.50
551	MN-1503	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	16/9/1963	Tp. Hồ Chí Minh	26.38	29.00
552	MN-1522	Nguyễn Ngọc	Vy	Nữ	27/10/1994	Sóc Trăng	28.63	29.75
553	MN-1528	Lê Kim Thanh	Vy	Nữ	27/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	38.75	35.13
554	MN-1529	Nguyễn Hoàng Uyên	Vy	Nữ	02/8/1995	Bình Dương	32.38	31.50
555	MN-1531	Huỳnh Thị	Xa	Nữ	08/5/1989	Sóc Trăng	36.25	33.00
556	MN-1536	Bùi Thị Quế	Xuyên	Nữ	19/8/1988	Trà Vinh	38.25	33.75
557	MN-1537	Võ Thị Thế	Xuyên	Nữ	13/12/1993	Đồng Tháp	44.50	37.88
558	MN-1547	Trần Thị Hồng	Yên	Nữ	16/5/1981	Tp. Hồ Chí Minh	38.50	34.00

ly